

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN KHÊ**

Số: 1190/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Khê, ngày 26 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi để
thực hiện Dự án Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên
(Xã Thành An - thị xã An Khê - Đợt 1)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 710/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên”, vay vốn WB;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Văn bản 873/TTg-QHQT ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án vay vốn WB;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 982/QĐ-BGTVT ngày 22/5/2019 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt đầu tư xây dựng dự án Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thị xã An Khê;

Căn cứ Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Gia Lai, về việc ban hành giá trị xây dựng nhà mới, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy định về bồi thường thiệt hại đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND thị xã An Khê về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên (Đoạn qua thị xã An Khê);

Trên cơ sở Văn bản số 346/KT ngày 10/9/2021 của phòng Kinh tế thị xã về việc xác định giá trung bình của một số loại cây trồng hàng năm trên địa bàn thị xã An Khê.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã tại Tờ trình số ~~329~~/TTr-TNMT ngày ~~26/5~~/2022 và Báo cáo thẩm định số ~~74~~/BC-TNMT ngày ~~26/5~~/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án số ~~33~~/PA-HĐBT ngày ~~25/5~~/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên với các nội dung sau:

1. **Địa điểm:** Xã Thành An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.
2. **Số hộ thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng:** 17 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức.
3. **Tổng diện tích đất thu hồi:** 17.442,7 m².
4. **Tổng kinh phí thực hiện:** 4.197.021.000 đồng.

(Bằng chữ: Bốn tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, không trăm hai mươi mốt nghìn đồng)

4.1. Kinh phí bồi thường: 3.959.454.000 đồng.

Trong đó:

- Bồi thường về đất: 1.104.802.000 đồng.
- Bồi thường về kiến trúc: 1.591.589.000 đồng.
- Bồi thường về hoa màu: 316.060.000 đồng.
- Chính sách hỗ trợ: 947.003.000 đồng.

4.2. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường: 237.567.000 đồng.

(Kèm theo Bảng tổng hợp giá trị bồi thường)

5. Nguồn kinh phí thực hiện: Vốn vay ODA, vốn đối ứng.

Điều 2. Giao Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên lập các thủ tục để nhận kinh phí và chi trả bồi thường, hỗ trợ cho đối tượng được bồi thường theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2022.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Thành An và Trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- Các Ủy viên UBND thị xã;
- BBT Công TTĐT thị xã;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Quốc Hoài Huy

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN KHÊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI GIAO THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN,
(XÃ THÀNH AN - THỊ XÃ AN KHÊ - ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 4.150/QĐ-UBND, ngày 26/5/2022 của UBND thị xã An Khê)

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m2)	Tiền bồi thường			Hỗ trợ	Tổng cộng	Ghi chú
			Đất	Vật kiến trúc	Cây cối hoa màu			
	XÃ THÀNH AN							
1	Nguyễn Hữu Phúc	195,3	9.988.814	21.434.160	1.351.984	8.788.500	41.563.458	
2	Nguyễn Văn Tâm	732,9	11.451.563		3.978.328	54.967.500	70.397.390	
3	Trịnh Thị Hương (Nguyễn Văn Bắc)	1.202,6	90.709.713		12.803.700	69.117.000	172.630.413	
4	Lê Thị Thìn	226,8	17.107.070	15.386.845	15.028.376	13.206.000	60.728.291	
5	Trần Thị Minh Chiến	207,0	15.613.596	33.654.465	7.787.960	12.315.000	69.371.021	
6	Lê Minh Đức (vợ Trương Thị Bình)	202,2	15.251.542		1.399.689	9.099.000	25.750.231	
7	UBND xã Thành An			3.128.092			3.128.092	
8	Nguyễn Thị Hồng Vân	78,3	5.906.012	131.966.286	2.172.000	9.523.500	149.567.798	
9	Nguyễn Huy Sơn	301,2	22.718.914	39.058.292	5.085.529	13.554.000	80.416.735	
10	Võ Thái Thanh	469,7	24.023.276	53.018.174	2.630.588	33.136.500	112.808.538	
11	Võ Thái Hòa	301,3	2.860.241			5.423.400	8.283.641	
12	Võ Thanh Tuấn	1.305,5	77.943.251	136.577.870	31.980.422	58.747.500	305.249.044	
13	Nguyễn Tâm	13,0	203.125		70.567	975.000	1.248.692	

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m2)	Tiền bồi thường			Hỗ trợ	Tổng cộng	Ghi chú
			Đất	Vật kiến trúc	Cây cối hoa màu			
14	Vũ Đình Thọ	804,1	60.651.655	80.761.233	39.112.530	48.184.500	228.709.918	
15	Lương Tiến Dũng	1.751,1	132.081.971	23.890.972	66.061.530	90.799.500	312.833.973	
16	Cù Văn Kim	3.864,3	262.168.046	12.223.584	70.973.673	188.893.500	534.258.803	
17	Nguyễn Văn Dậu	4.542,6	288.208.702	823.586.943	42.578.560	274.257.000	1.428.631.205	
18	Trần Minh Thảo	1.244,8	67.915.405	216.902.081	13.043.990	56.016.000	353.877.476	
	Cộng tiền bồi thường	17.442,7	1.104.802.895	1.591.588.997	316.059.426	947.003.400	3.959.454.718	
	Kinh phí thực hiện công tác bồi thường						237.567.000	
	Tổng cộng						4.197.021.718	

Làm tròn số: 4.197.021.000 đồng

Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, hai mươi mốt ngàn đồng chẵn *gmk*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

107 CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Quốc Hoài Huy